

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 07-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Tân

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng và điểm cầu thành phần Công an huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Châu Hoàng N; tên gọi khác: D1; sinh ngày: 10-5-1988; tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Minh T và bà Bùi Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 09-10-2023, bị Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy” với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị cáo chưa nộp phạt; nhân thân: Năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử và tuyên phạt 01 (Một) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 21-7-2021, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 23-10-2023 đến ngày 26-10-2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Tô Tú N1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số D, Khóm G, Phường E, thành

phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2/ Bà Trang Thị Đ, sinh năm 1951; nơi cư trú: ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3/ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Trần Thị Bé H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 23-10-2023, Châu Hoàng N đi lang thang xung quanh khu vực Bến xe thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi ngang nhà bà Nguyễn Thị Tuyết M, N biết bà M ở nhà một mình nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà M lấy tài sản. Lúc này, N trèo qua hàng rào vào nhà bà M, N đi đến khu vực bếp lấy cây kéo bằng kim loại cầm trên tay và lấy một cái khăn bịt mặt lại, sau đó N đi đến mở cửa phòng ngủ của bà M thì bà M phát hiện la lên “Cái gì, cái gì?”, N cầm kéo hướng về phía bà M đe dọa, còn tay trái dùng gôi có sẵn trên giường đè vào mặt bà M và hỏi “Tiền đâu? Không đưa là bị đâm?” bà M ngã xuống giường, N ngồi đè lên người bà M, bà M kháng cự, dùng tay kéo khăn bịt mặt ra thì biết được là N, bà M và N tiếp tục giằng co, N dùng tay đánh vào người bà M và hỏi “Tiền đâu?”, lo sợ N làm nguy hiểm đến tính mạng nên bà M trả lời “Tiền ở trong bóp, gần tủ tivi”, N buông bà M ra đi đến kệ tủ tivi lấy trong ví da số tiền 717.000 đồng (Bảy trăm mười bảy nghìn đồng) và lấy 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 trên giường rồi bỏ chạy ra ngoài. Sau đó, N đi xe ôm đến nhà trọ của người bạn tên T1 (không xác định được nhân thân) tại Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi gặp T1, N nhờ T1 đi cầm điện thoại di động hiệu OPPO F11 tại cửa hàng điện thoại di động TÚ NY với số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). N dùng toàn bộ số tiền cầm điện thoại có được và số tiền lấy được từ ví da của bà M để trả nợ và tiêu xài cá nhân, còn thừa 92.000 đồng thì bị thu giữ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 06-11-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu tím, tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng).

Về vật chứng, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Tuyết M gồm: 01 (một) Điện thoại nhãn hiệu OPPO; Loại máy: OPPO F11; màu: tím; IMEI 1:

869874043994894; IMEI 2: 869874043994886; 01 (một) Hộp điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy: OPPO F11; 01 (một) Đôi bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 (một) Cái áo vải thun màu đỏ, loại áo hai dây, có vải gen hoa viền cổ; 01 (một) Cái quần ngắn vải thun màu đỏ và số tiền Việt Nam 92.000 đồng (Chín mươi hai nghìn đồng). Đồng thời, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự bảo quản để bảo đảm xét xử các vật chứng và các đồ vật, gồm: 01 (một) bao thuốc lá hiệu JET, bên trong có hai điếu thuốc lá, có một điếu đã qua sử dụng; 01 (một) cây kéo có cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại màu trắng, có ghi dòng chữ STAINLESS STEEL, có kích thước dài 16cm (cán 7cm, lưỡi 9cm); 01 (một) cái khăn sọc màu trắng đen, có kích thước dài 1,5m, ngang 0,64m; 01 (một) một cái điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) bộ sạc điện thoại, có dây sạc màu đen và cốc sạc màu trắng.

Về trách nhiệm nhân sự, bà M đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngoài ra, bị cáo N cũng tác động người thân khắc phục cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Tú N1 số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS-MT ngày 11-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Châu Hoàng N về “Tội Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà M thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đối với tài sản bị chiếm đoạt đã nhận lại đầy đủ nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang Thị Đ trình bày: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo N đã nhờ bà bồi thường và khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Tuyết M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Tú N1. Bà Đ không yêu cầu bị cáo N hoàn trả số tiền đã nộp khắc phục cho bị hại và người liên quan.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo N phạm “Tội Cướp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên xử phạt bị cáo N từ 07 năm tù đến 08 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo, bị hại và người liên quan đã tự thỏa thuận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét. Về vật chứng, áp dụng điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bao thuốc lá hiệu JET, bên trong có hai điếu thuốc lá, có một điếu đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kéo có cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi

bằng kim loại màu trắng, có ghi dòng chữ STAINLESS STEEL, có kích thước dài 16cm (cán 7cm, lưỡi 9cm); 01 (Một) cái khăn sọc màu trắng đen, có kích thước dài 1,5m, ngang 0,64m. Đồng thời tuyên trả lại cho bị cáo N 01 (Một) cái điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) bộ sạc điện thoại, có dây sạc màu đen và cốc sạc màu trắng. Về án phí, buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị cáo, bị hại và các đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Tú N1, Phạm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt; người liên quan ông Trần Hoàng E1 và những người làm chứng Trần Thị Bé H1, Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đầy đủ và bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại M. Lời khai nhận của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 23-10-2023, bị cáo N trèo qua hàng rào đột nhập vào nhà bị hại M, dùng cây kéo bằng kim loại không chế và đe dọa bị hại M để chiếm đoạt số tiền 717.000 đồng (Bảy trăm mười bảy nghìn đồng) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 có giá trị 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Hành vi dùng cây kéo bằng kim loại là loại công cụ, phương tiện nguy hiểm không chế và đe dọa bị hại M để chiếm đoạt tài sản của bị cáo N đã đủ các yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản với tình tiết định khung “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm khác*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tuyên bị cáo N phạm “Tội Cướp tài sản” là

có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy, hành vi của bị cáo N đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo N là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không có tiền tiêu xài và lười lao động nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mặc dù, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị thực tế không lớn và đã được thu hồi hoàn trả và khắc phục cho bị hại nhưng hành vi của bị cáo N là rất nguy hiểm, thể hiện sự hung hãn và xem thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang cho người dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm khắc trước pháp luật và áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời, có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhưng trước khi phạm tội bị cáo N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử và tuyên phạt 01 (Một) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” vào năm 2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 21-7-2021, đã được xóa án tích; đến ngày 09-10-2023, bị cáo tiếp tục bị Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy” với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị cáo chưa nộp phạt nên bị cáo N thuộc trường hợp có nhân thân xấu. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo N với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, gây tâm lý hoang mang cho người dân nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tuyên phạt bị cáo N từ 07 năm tù đến 08 năm tù là tương xứng với hành vi của bị cáo và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả, tại phiên tòa không có ai yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, cây kéo có cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi

bằng kim loại màu trắng, có ghi dòng chữ STAINLE9S STEEL, có kích thước dài 16cm (cán 7cm, lưỡi 9cm) và cái khăn sọc màu trắng đen, có kích thước dài 1,5m, ngang 0,64m là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội; đối với các đồ vật như: bao thuốc lá hiệu JET, điện thoại nhãn hiệu iPhone và bộ sạc điện thoại là tài sản của bị cáo N nhưng trong đó bao thuốc lá hiệu JET không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bao thuốc lá hiệu JET, bên trong có hai điếu thuốc lá, có một điếu đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kéo có cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại màu trắng, có ghi dòng chữ STAINLE9S STEEL, có kích thước dài 16cm (cán 7cm, lưỡi 9cm); 01 (Một) cái khăn sọc màu trắng đen, có kích thước dài 1,5m, ngang 0,64m; đồng thời, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo N 01 (Một) một cái điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) bộ sạc điện thoại, có dây sạc màu đen và cốc sạc màu trắng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo N là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng đề nghị về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các phần trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 292; Điều 293; Điều 299; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bị cáo Châu Hoàng N (tên gọi khác: D1) phạm “Tội Cướp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N (tên gọi khác: D1) 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-10-2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về xử lý vật chứng vụ án:
 - Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bao thuốc lá hiệu JET, bên trong có hai điếu thuốc lá, có một điếu đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kéo có cán bằng nhựa màu xanh,

lưỡi bằng kim loại màu trắng, có ghi dòng chữ STAINLESS STEEL, có kích thước dài 16cm (cán 7cm, lưỡi 9cm); 01 (Một) cái khăn sọc màu trắng đen, có kích thước dài 1,5m, ngang 0,64m.

- Trả lại cho bị cáo Châu Hoàng N (tên gọi khác: D1) 01 (Một) một cái điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu trắng đã qua sử dụng và 01 (Một) bộ sạc điện thoại, có dây sạc màu đen và cốc sạc màu trắng.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Châu Hoàng N (tên gọi khác: D1) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Trị;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân

(Đã ký)